

# KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM: 60 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Võ Khánh Vinh\*

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công với sự ra đời của Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á đã mở ra một kỷ nguyên phát triển mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Trải qua các giai đoạn phát triển, với biết bao biến đổi sâu sắc đã xảy ra trong tất cả các mặt của đời sống xã hội, cùng với sự trưởng thành của Nhà nước, một hệ thống pháp luật mới ở nước ta được từng bước hình thành, không ngừng củng cố và phát triển. Bài viết này tìm hiểu khái quát về hệ thống pháp luật qua 60 năm hình thành và phát triển và những yêu cầu, định hướng cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta hiện nay.

## I. Khái niệm hệ thống pháp luật và phân kỳ các giai đoạn hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật nước ta

Với tư cách là một hệ thống, hệ thống pháp luật Việt Nam phản ánh các quy luật phát triển khách quan của sự vận động xã hội, hệ thống pháp luật Việt Nam gắn bó với từng bước, từng giai đoạn phát triển của đất nước và mang dấu ấn sâu sắc của từng bước, từng giai đoạn phát triển ấy. Để có thể đưa ra được những nhận xét, đánh giá khái quát về 60 năm hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam, trước hết cần phải làm sáng tỏ hai vấn đề: hệ thống pháp luật là gì? hệ thống pháp luật nước ta đã trải qua mấy giai đoạn phát triển?

1. Trong khoa học pháp lý nước ta và các nước có nhiều quan niệm khác nhau về khái niệm hệ thống pháp luật. Nhưng qua nghiên cứu có thể khái quát các quan niệm đó thành hai loại quan điểm cơ bản sau đây:

*Loại quan điểm thứ nhất – quan niệm hẹp*, cho rằng cần tách hai khái niệm “hệ thống pháp luật” và “hệ thống văn bản quy phạm

pháp luật” để nghiên cứu riêng, vì hệ thống pháp luật là cấu trúc bên trong, còn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật. Hệ thống pháp luật được hình thành và phát triển phù hợp với cơ cấu của các quan hệ xã hội, còn hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được hình thành và phát triển trong quá trình xây dựng pháp luật.

*Loại quan điểm thứ hai – quan điểm rộng*, cho rằng chỉ có một khái niệm hệ thống pháp luật. Theo quan điểm này, hệ thống pháp luật bao gồm: hệ thống cấu trúc bên trong, hệ thống quy phạm pháp luật và những nguồn khác của pháp luật tồn tại trong thực tiễn mà dựa vào đó tính hiện thực của pháp luật được bảo đảm và hiệu lực của pháp luật được phát huy. Chúng tôi ủng hộ quan điểm rộng về hệ thống pháp luật.

*Xuất phát từ quan điểm đó có thể hiểu hệ thống pháp luật là tổng thể các mục đích, định hướng, nguyên tắc, quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau được phân định thành các lĩnh vực, các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành theo trình tự và hình thức thống nhất và trong các nguồn pháp luật khác.* Việc hiểu hệ thống pháp luật như vậy có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn, phản ánh đúng tính đa dạng, phong phú, phức tạp về nội dung và hình thức của pháp luật. Theo đó, hệ thống pháp luật là một khái niệm bao gồm hai mặt, hai bộ phận cấu trúc, cụ thể là hệ thống cấu trúc của pháp luật và hệ thống nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp luật và các nguồn khác).

*Hệ thống cấu trúc của pháp luật (hệ thống pháp luật về cấu trúc) là tổng thể các mục đích, định hướng, các nguyên tắc và quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với*

\* PGS.TS Luật học, Phó Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật

nhau được phân định thành các lĩnh vực, các ngành luật, các chế định pháp luật. Hệ thống này có các yếu tố hợp thành cơ bản là quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật, lĩnh vực pháp luật (luật công và luật tư). Các mục đích, định hướng, nguyên tắc của pháp luật cấu thành một bộ phận linh hoạt được thể hiện ở một trong bốn thành tố cơ bản nói trên, tùy thuộc vào mức độ khái quát và cụ thể của chúng.

Hệ thống nguồn của pháp luật bao gồm toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật và các nguồn khác của pháp luật chứa đựng các quy phạm pháp luật, nguyên tắc, định hướng và mục đích của pháp luật được ban hành theo trình tự và thủ tục do luật định hoặc được Nhà nước thừa nhận. Do tính chất và đặc điểm của pháp luật, các nguồn của pháp luật, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật rất phong phú về các loại và được ban hành hoặc thừa nhận vào những thời điểm khác nhau nhưng đều hợp thành một hệ thống. Xét theo chiều ngang, hệ thống các nguồn của pháp luật, đặc biệt hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp và phản ánh nội dung của hệ thống pháp luật về cấu trúc. Xét theo chiều dọc, hệ thống nguồn của pháp luật, đặc biệt hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có tính thứ bậc, có giá trị pháp lý khác nhau, nhưng đều phải thống nhất với nhau.

Có thể hình dung hệ thống pháp luật như một khối tháp, trong đó nội dung, cấu trúc của khối tháp, đó là đời sống xã hội hết sức phong phú đa dạng, trong đó có những quan hệ xã hội cơ bản, điển hình, phổ biến, ổn định được mô hình hóa thành các quy phạm pháp luật như những viên gạch được dùng để xây dựng thành những lớp, những bộ phận lớn hơn của khối tháp (chế định, ngành luật, lĩnh vực pháp luật) theo những nguyên tắc, định hướng và mục đích như những chất kết dính và sơ đồ kiến trúc có cơ sở khoa học và thực tiễn, còn hình thức của khối tháp đó là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các nguồn khác của pháp luật với những thang bậc giá trị pháp lý khác nhau, cao nhất là hiến pháp và tiếp đến là các văn bản quy phạm pháp luật và các nguồn

khác của pháp luật được sắp xếp theo hiệu lực pháp lý khác nhau, trong đó vành đai của chân tháp là những văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý thấp nhất.

2. Việc phân kỳ các giai đoạn phát triển của đất nước có thể căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau. Nhưng việc phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật quốc gia cần phải dựa vào tiêu chí cơ bản, quan trọng, có sự thuyết phục nhất là hiến pháp. Với tư cách là đạo luật cơ bản của Nhà nước, của xã hội hiến pháp quy định những cơ sở pháp lý quan trọng nhất của đời sống nhà nước, đời sống xã hội và đời sống con người, công dân, đồng thời đưa ra một khuôn khổ pháp lý mang tính chất nội dung, định hướng cho sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật. Theo logic đó, đối với lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, tương ứng với mỗi bản hiến pháp là một giai đoạn phát triển của hệ thống pháp luật. Từ cách đặt vấn đề như vậy, từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay hệ thống pháp luật nước ta trải qua các giai đoạn phát triển sau:

1. Hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1959 (Hiến pháp năm 1946);
2. Hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn từ năm 1959 đến năm 1980 (Hiến pháp năm 1959);
3. Hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn từ năm 1980 đến năm 1992 (Hiến pháp năm 1980);
4. Hệ thống pháp luật Việt Nam giai đoạn từ năm 1992 đến nay (Hiến pháp 1992).

Còn một cách tiếp cận khác – cách tiếp cận khái quát hơn, cao hơn trong việc phân kỳ các giai đoạn phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam là cách tiếp cận dựa vào “thời điểm” đổi mới đất nước. Theo cách tiếp cận này quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam được phân thành hai giai đoạn lớn: 1, Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1986 (giai đoạn trước đổi mới đất nước); và 2, Giai đoạn từ năm 1987 đến nay

(giai đoạn đổi mới đất nước). Việc phân loại này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá hệ thống pháp luật Việt Nam sau gần 20 năm đổi mới, để từ đó tìm kiếm những định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta cho thời gian tới.

## II. Khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn hình thành và phát triển

### 1. Khái quát về những thành tựu cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam

Trải qua 60 năm hình thành và phát triển, hệ thống pháp luật nước ta dưới dạng khái quát nhất đã đạt được những thành tựu cơ bản sau đây:

1.1. Hệ thống pháp luật nước ta từng bước được hoàn thiện. Pháp luật đã trở thành công cụ chủ yếu để quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đặc biệt sau gần 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị và từng bước tạo môi trường pháp lý cho việc hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của nước ta; tư tưởng dùng pháp luật để quản lý xã hội, quản lý nhà nước từng bước được khẳng định và đề cao.

1.2. Hệ thống pháp luật nước ta ngày càng được phát triển cân đối hơn cả trên hai phương diện: phương diện cấu trúc và phương diện nguồn của pháp luật. Ở phương diện cấu trúc điều đó được thể hiện như sau: các ngành luật được hình thành và phát triển ngày càng đồng đều hơn, toàn diện hơn; các ngành pháp luật thuộc luật tư được chú trọng hơn; các chế định pháp luật ngày càng được phân hoá và cụ thể hơn, rõ hơn; các nguyên tắc của pháp luật từng bước được xác định và được thể hiện đầy đủ, rõ ràng hơn; toàn bộ hệ thống pháp luật được phát triển theo những định hướng rõ hơn là phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo hộ và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Ở phương diện nguồn của pháp luật điều đó được thể hiện ở chỗ: các văn bản luật ngày càng được xây dựng và ban hành

nhiều hơn và được cụ thể hoá nhiều hơn; các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo hướng cân đối hơn; hoạt động rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật dần dần được triển khai trên diện rộng và đang trở thành một trong những nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương; hoạt động pháp điển hoá bước đầu được chú trọng, một số lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội được điều chỉnh bằng các Bộ luật, góp phần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực xã hội và môi trường đã được chú trọng.

1.3. Qua các giai đoạn phát triển khác nhau, pháp luật trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã có những đổi mới tích cực theo hướng đáp ứng các yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều đó được thể hiện ở chỗ: chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, nội dung và trách nhiệm công vụ được phân định rành mạch, rõ ràng hơn; thủ tục hành chính bước đầu được cải cách theo hướng đơn giản, công khai, dễ tiếp cận, dễ kiểm tra, giám sát; các dịch vụ công đang dần dần được xác lập, từng bước đáp ứng nhu cầu của nhân dân và yêu cầu của cải cách hành chính; pháp luật về giám sát đã bắt đầu được coi trọng; hoạt động của các cơ quan nhà nước đổi mới theo hướng dân chủ hơn; phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đã được pháp luật hoá và thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó có quyền khởi kiện công chức nhà nước và cơ quan nhà nước trước Tòa án.

1.4. Pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay đã có những bước tiến đáng kể. Những bước đó thể hiện ở chỗ: một số đạo luật quan trọng tạo môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được ban hành; chế độ sở hữu và các hình thức sở hữu, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, thương gia, quyền tự do kinh doanh và tự do hợp đồng, các cơ chế khuyến khích và bảo đảm đầu tư, khai thác và sử dụng có hiệu

quả các nguồn lực xã hội đã từng bước được xác lập về mặt pháp lý; các quy định mang tính hành chính, mệnh lệnh điều chỉnh các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại đang từng bước được thay thế bằng các quy định bình đẳng, ngang quyền phù hợp với luật dân sự và tập quán pháp góp phần làm giảm thiểu sự can thiệp của các cơ quan nhà nước bằng các biện pháp hành chính vào các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại nói chung và các hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng, giảm cơ chế xin cho; chế độ Nhà nước độc quyền về ngoại thương đã được xoá bỏ; nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm trong hoạt động kinh doanh từng bước được xác lập.

1.5. Pháp luật trong lĩnh vực xã hội bước đầu đã được hình thành và phát triển. Cụ thể là pháp luật về lao động, xoá đói giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, dân số và kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực xã hội khác đã được quan tâm xây dựng, góp phần phát triển kinh tế đi đôi với hạn chế những tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Đặc biệt pháp luật bảo vệ môi trường có bước phát triển vượt bậc theo quan điểm phát triển bền vững với sự kết hợp hài hoà phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

1.6. Pháp luật trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hoá từng bước đã được hình thành và phát triển theo hướng xã hội hoá một phần hoạt động giáo dục và đào tạo; đa dạng hoá các hình thức giáo dục và đào tạo; gắn kết khoa học - công nghệ với thực tiễn, bước đầu tạo lập thị trường khoa học - công nghệ; tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

1.7. Pháp luật trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được hình thành và phát triển vững chắc và ngày càng được tăng cường kịp thời góp phần giữ vững ổn định chính trị, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác. Điều đó được thể hiện ở chỗ hoạt động trong lĩnh vực an ninh quốc phòng từng bước được thể chế hoá bằng pháp luật; pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự ngày càng được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu đấu

tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện mới; pháp luật về vi phạm hành chính từng bước được cụ thể hoá dựa vào các lĩnh vực khác nhau của quản lý nhà nước.

1.8. Pháp luật trong lĩnh vực hợp pháp quốc tế và khu vực ngày càng được chú trọng hơn. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau: Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập nhiều điều ước quốc tế phục vụ cho chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; vai trò, vị trí của điều ước quốc tế trong điều chỉnh các quan hệ xã hội được nâng cao một cách đáng kể; việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế đi vào trật tự do pháp luật quy định; điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập dần trở thành một bộ phận không thể tách rời của hệ thống pháp luật.

## 2. Những yếu kém và bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành

Qua 60 năm hình thành và phát triển, tuy đã đạt được những kết quả quan trọng nhưng nhìn chung hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém và bất cập. Có thể khái quát những yếu kém và bất cập đó như sau:

2.1. Nhìn chung, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa theo kịp và chưa đáp ứng đầy đủ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, cho việc bảo vệ các quyền tự do của con người, của công dân, cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của nước ta.

2.2. Tính toàn diện, đồng bộ, hệ thống, cân đối và khả thi của hệ thống pháp luật còn nhiều hạn chế.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu toàn diện, chưa đồng bộ, chưa có hệ thống, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý đất nước bằng pháp luật, còn nhiều lĩnh vực bức xúc của đời sống xã hội vẫn chưa có luật, thậm chí chưa có văn bản dưới luật điều chỉnh. Hệ thống pháp luật chưa có sự phát triển cân đối giữa các lĩnh vực, các ngành pháp luật, các chế định pháp luật thuộc lĩnh vực luật tư chưa được phát triển đúng mức.

Các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương ban hành

chiếm một tỷ trọng quá lớn trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Nội dung của pháp luật trong một số lĩnh vực chậm được sửa đổi, vẫn còn chứa đựng tư duy bao cấp, chưa thực sự chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phạm vi và đối tượng điều chỉnh trong một số đạo luật chưa được xác định rõ, chưa xuất phát từ tính chất, đặc thù của các quan hệ xã hội trong mỗi lĩnh vực để lựa chọn phương pháp hợp lý trong điều chỉnh bằng pháp luật. Còn một số lĩnh vực chưa có luật mà điều chỉnh chủ yếu bằng văn bản dưới luật. Một số lĩnh vực đã có luật, pháp lệnh nhưng luật, pháp lệnh thường chỉ dừng lại ở những quy định mang tính chất khung, còn nhiều vấn đề cụ thể, thậm chí cả những vấn đề thuộc tầm chính sách hoặc liên quan trực tiếp đến quyền công dân cũng dành cho văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành.

2.3. Tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật còn hạn chế

Ủy ban thường vụ Quốc hội chưa thường xuyên thực hiện việc giải thích hiến pháp, luật, pháp lệnh. Mặt khác, chưa phân định rõ phạm vi, ranh giới giữa việc giải thích luật, pháp lệnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với việc ban hành văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền khác và với việc Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử đã làm tăng thêm tính thiếu minh bạch, rõ ràng của một số quy định của pháp luật.

Hoạt động rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và công tác pháp điển hoá chưa được tiến hành thường xuyên.

Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập chưa được coi trọng đúng mức nên công tác nội luật hoá nhiều điều ước quốc tế chậm được tiến hành.

Trong một thời gian dài, kỷ luật công bố, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập, chưa được các cơ quan nhà nước chấp hành nghiêm chỉnh.

Thông tin pháp luật chưa kịp thời, chưa cập nhật và chưa thống nhất. Chưa có cơ chế thông tin về hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa án. Còn thiếu cơ sở pháp lý để các thành phần kinh tế đầu tư vào hoạt động thông tin pháp luật.

2.4. Những yếu kém và bất cập nói trên của hệ thống pháp luật hiện hành do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng trong đó các nguyên nhân chủ quan là chính.

Có thể nêu ra hai nguyên nhân chủ quan chính sau đây:

*Thứ nhất*, nhiều vấn đề lí luận về pháp luật, về hệ thống pháp luật nói chung và về các bộ phận, yếu tố hợp thành hệ thống pháp luật nói riêng chưa được nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống, thiếu việc đánh giá, tổng kết thực tiễn về hệ thống pháp luật một cách đầy đủ, do vậy việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta trong thời gian qua chưa dựa trên cơ sở khoa học vững chắc. Bởi vậy, việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật còn mang nặng giải pháp tình thế, thiếu định hướng tổng thể với tầm nhìn chiến lược bảo đảm tính toàn diện, tính hệ thống, tính cân đối, tính hiện thực, tính dự báo.

*Thứ hai*, thiếu những giải pháp đồng bộ để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong một quốc gia, đặc biệt trong điều kiện hiện nay đòi hỏi phải có một hệ thống các giải pháp bảo đảm bao gồm các giải pháp tổ chức, cán bộ, nguồn lực trí tuệ, tài chính... Cơ chế xây dựng pháp luật ở nước ta tuy đã được đổi mới nhưng còn chậm, chưa phức tạp được đầy đủ nhu cầu xây dựng pháp luật hiện nay; đội ngũ cán bộ pháp luật nói chung, đặc biệt là đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng pháp luật chưa đáp ứng cả về số lượng lẫn chất lượng so với yêu cầu tổ chức xây dựng pháp luật; chưa huy động được một cách có hiệu quả mọi nguồn lực cần thiết, đặc biệt nguồn lực trí tuệ cho việc xây dựng pháp luật.

Ngoài các nguyên nhân chủ quan nói trên còn có các nguyên nhân khách quan là: việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là một sự nghiệp lâu dài, phức tạp, khó khăn,

không thể là công việc của một vài năm mà là công việc của nhiều thập kỷ, đòi hỏi phải có một sự tìm tòi, khám phá, đúc kết kinh nghiệm một cách bền bỉ và kiên trì; hơn nữa, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện nay ở nước ta lại được tiến hành trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế quản lý tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho nên có những khó khăn mang tính khách quan nhất định.

### III. Những yêu cầu và định hướng cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay

#### 1. Những yêu cầu cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay

Quá trình đổi mới đất nước theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội dân sự xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã và đang đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi đối với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện nay ở nước ta như sau:

##### 1.1. Xây dựng một hệ thống pháp luật thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Một hệ thống pháp luật thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một hệ thống pháp luật thể hiện và phản ánh đầy đủ ý chí, lợi ích của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ có hiệu quả các quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của nhân dân.

Cơ sở của ý chí nhân dân đã được đưa lên thành pháp luật là kết quả của việc nhận thức và thực hiện các lợi ích chung tồn tại một cách khách quan của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và của các tầng lớp khác trong xã hội. Ý chí của nhân dân là mặt chủ quan của quá trình hình thành và phát triển hệ thống pháp luật, còn lợi ích của nhân dân là mặt khách quan, là cơ sở khách quan trực tiếp của hoạt động chủ quan của cơ quan xây dựng pháp luật. Khi được hình thành và phát triển dưới sự tác động trực tiếp của các lợi ích, pháp luật, hệ thống pháp luật, đến lượt mình cũng là một công cụ để thực hiện, bảo đảm, bảo vệ các lợi ích trong xã hội.

Để điều chỉnh một cách có hiệu quả các hành vi của con người, hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong xã hội dân sự xã hội chủ nghĩa phải thể hiện và phản ánh được một cách tương ứng trong các quy phạm, trong các hình thức thể hiện khác của mình các lợi ích xã hội đa dạng (các lợi ích của cá nhân, của nhóm, của tập thể, của giai cấp, của Nhà nước, của dân tộc, của xã hội) đang tồn tại trong xã hội. Việc thể hiện và ghi nhận một cách hài hòa, tối ưu các loại lợi ích đó trong hệ thống pháp luật sẽ khắc phục được những xung đột, mâu thuẫn trong xã hội và đồng thời tạo ra được sự đồng thuận cao trong xã hội.

Hệ thống pháp luật không thể được xây dựng cao hơn hoặc lạc hậu hơn trình độ phát triển các lợi ích xã hội đã đạt được ở giai đoạn phát triển tương ứng. Điều nói trên giúp chúng ta tránh được việc ban hành những văn bản quy phạm pháp luật không được lập luận về mặt khoa học, vượt quá trạng thái các lợi ích đang tồn tại trong xã hội, đồng thời thay đổi kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đã lỗi thời, không còn phù hợp với các loại lợi ích đang tồn tại khách quan trong xã hội. Một trong những nhiệm vụ quan trọng được đặt ra đối với các cơ quan xây dựng pháp luật là phải xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật được lập luận về mặt khoa học với mục đích làm cho các văn bản quy phạm đó phù hợp với trạng thái tồn tại hiện nay của các lợi ích của cá nhân, của Nhà nước, của xã hội. Đó là nhiệm vụ nặng nề và đầy trọng trách đòi hỏi phải có sự tổ chức thực hiện mang tính khoa học.

##### 1.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật góp phần có hiệu quả vào việc thực hiện quyền lực nhân dân, quyền lực nhà nước

Trong xã hội ta, nhân dân lao động là người sáng tạo lịch sử, là nguồn gốc của quyền lực. Do vậy, mọi thiết chế xã hội, Nhà nước, các cơ quan nhà nước đều phải phục vụ, thực hiện và bảo vệ lợi ích của nhân dân.

Quyền lực thuộc về nhân dân lao động là một hiện thực lịch sử, một giá trị cao nhất của chủ nghĩa xã hội. Do vậy, các bản Hiến pháp nước ta đã long trọng ghi nhận giá trị đó.

Nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân thể hiện bản chất của Nhà nước dân chủ chân chính.

Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua những hình thức khác nhau: trực tiếp (dân chủ trực tiếp) hoặc thông qua những người đại diện (dân chủ đại diện). Hai hình thức này bổ sung cho nhau làm cho quyền lực nhân dân được thực hiện một cách hiện thực, có hiệu quả trong thực tế. Do vậy, hệ thống pháp luật hiện nay ở nước ta cần phải ghi nhận một cách đầy đủ hai hình thức nói trên, đặc biệt chú trọng đến hình thức dân chủ trực tiếp.

Với tính cách là một phương thức thể hiện và thực hiện quyền lực nhân dân hệ thống pháp luật có nhiệm vụ tạo ra một môi trường pháp luật làm cơ sở cho việc thể hiện, tổ chức, thực hiện, kiểm tra, giám sát và bảo vệ quyền lực nhân dân một cách có hiệu quả nhất. Xét ở khía cạnh này, trong điều kiện đổi mới vừa qua và hiện nay, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hình thành xã hội dân sự xã hội chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật, hệ thống pháp luật của nước ta đang được đổi mới, sửa đổi để ngày càng đáp ứng nhu cầu tăng cường quyền lực nhân dân. Việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng tăng cường quyền lực nhân dân ở nước ta đã, đang và cần phải được tiến hành.

Như vậy, qua phân tích trên cho thấy pháp luật, hệ thống pháp luật đóng vai trò rất to lớn trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhân dân. Pháp luật là hình thức thông qua đó quyền lực nhân dân được thể hiện, là phương thức thông qua đó quyền lực nhân dân được thực hiện trong đời sống hiện thực, là công cụ để bảo vệ quyền lực của nhân dân. Bởi vậy, việc tăng cường quyền lực nhân dân luôn gắn liền với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đó là một trong những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân đối với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

*1.3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm tính ổn định phúc đáp các yêu cầu phát triển xã hội*

Hệ thống pháp luật nước ta như nói ở trên bao gồm hai bộ phận hợp thành: hệ thống cấu trúc và hệ thống nguồn. Xét ở phương diện

tính ổn định của hệ thống pháp luật thì tính ổn định của nguồn của pháp luật, trong đó đặc biệt là văn bản luật đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Do vậy, khi nói đến tính ổn định của hệ thống pháp luật thì điều đầu tiên cần phải nói đến là nói về tính ổn định của luật và đến lượt mình tính ổn định của luật sẽ tạo điều kiện, làm cơ sở cho tính ổn định của các văn bản quy phạm pháp luật nói chung. Tính ổn định của văn bản quy phạm pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng được thể hiện ở chỗ đó là điều kiện rất quan trọng bảo đảm cho sự hoạt động bình thường không chỉ của hệ thống pháp luật mà còn của toàn xã hội nói chung.

Một đạo luật được coi là ổn định là một đạo luật có các thuộc tính sau:

- Các thuộc tính phản ánh bản chất của luật;
- Các thuộc tính phản ánh mức độ hoàn thiện của luật;
- Các thuộc tính phản ánh kết quả của việc thực hiện luật.

Các thuộc tính phản ánh bản chất của luật bao gồm: luật phải là kết quả của hoạt động sáng tạo đặc biệt do cơ quan có quyền lập pháp ban hành theo trật tự đặc biệt; tính tối cao của luật; tính quy phạm của luật và tính chính thức của nó (sự hiện có hình thức nhất định, các dữ liệu bắt buộc của một văn bản, các ký hiệu, cấu trúc của văn bản luật); tính được bảo vệ của luật tức là trong trường hợp cần thiết luật được bảo vệ bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

Các thuộc tính phản ánh mức độ hoàn thiện của luật bao gồm hai nhóm: 1, Nhóm các thuộc tính về mặt xã hội; 2, Nhóm các thuộc tính về mặt pháp lý. Nhóm các thuộc tính về mặt xã hội bao gồm: tính quyết định xã hội của luật, tức là sự phù hợp của luật với các điều kiện hiện thực của đời sống xã hội; tính lập luận về mặt khoa học của luật (ở trong luật phải cân cân nhắc được các thành tựu của khoa học, phải có tính kế hoạch và tính dự báo); tính có cơ sở đạo đức của luật; tính được bảo đảm bằng các nguồn lực. Nhóm các thuộc tính về mặt pháp lý gồm: "tính pháp chế" của luật; tính nền tảng của luật; tính hệ thống của luật; tính được bảo đảm về kỹ thuật pháp lý của luật; chất lượng cao của luật; tính dễ hiểu của luật.

Các thuộc tính phản ánh kết quả của việc thực hiện luật bao gồm: tính hiện thực của luật; độ dài của hiệu lực; mức độ năng động cần thiết.

Để xác định mức độ ổn định của luật điều có ý nghĩa quan trọng là phải nghiên cứu để soạn thảo ra các tiêu chuẩn của nó. Tiêu chuẩn về tính ổn định của luật là mô hình lý tưởng của luật được lập luận về mặt xã hội và khoa học. Đó là hệ thống tổng thể, có sự liên kết chặt chẽ các chỉ số hoàn thiện và có giá trị nhất về nội dung, hình thức, trật tự thông qua và việc thực hiện nó mà cơ quan lập pháp buộc phải định hướng đến. Luật càng phù hợp với các tiêu chuẩn đã được xác lập bao nhiêu thì mức độ ổn định của nó cao bấy nhiêu. Mức độ ổn định của luật được hiểu là đặc điểm tương đối được dựa trên sự so sánh luật với mô hình lý tưởng của nó, tức là với tổng số các chỉ số tiêu chuẩn, nền tảng của nó.

Có thể xác định mức độ ổn định của luật bằng các phương thức khác nhau. Đó là: bằng việc tiến hành thẩm định về mặt xã hội, pháp lý, ngôn ngữ học; bằng việc giải thích dựa vào tất cả các phương pháp nhận thức đặc trưng của nó (phương pháp lịch sử, ngữ pháp, hệ thống, pháp lý chuyên ngành, chính trị – lịch sử); bằng quá trình áp dụng; bằng tiến trình nghiên cứu mang tính chất chuyên môn các tài liệu của thực tiễn áp dụng pháp luật.

Một vấn đề quan trọng đặt ra và cần được làm rõ là dựa vào các chỉ số nào để có thể đánh giá được mức độ tính ổn định của luật. Chúng tôi cho rằng có thể đánh giá mức độ ổn định của luật với sự trợ giúp của một loạt các chỉ số sau: mức độ phản ánh trong luật các nguyên tắc hiến định; sự phù hợp của luật với các nguyên tắc và quy phạm của luật quốc tế; mức độ thể chế hoá bằng luật các quan hệ xã hội nền tảng; sự phản ánh tương ứng trong luật các giá trị, các nhu cầu và các lợi ích; sự phù hợp với các nhiệm vụ cần được giải quyết của sự phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá, khoa học công nghệ và các nhiệm vụ khác; trình độ chất lượng của luật (loại ngôn ngữ của luật); sự không có mâu thuẫn với các văn bản luật khác; sự có (hoặc không có) hiệu lực trực tiếp; hiệu quả hoạt động của luật.

Nói chung tính ổn định của luật sẽ tạo điều kiện cho việc củng cố chế độ pháp chế và trật tự pháp luật, cho việc biến các quy định pháp luật thành các niềm tin, các quy phạm cá nhân của hành vi từng người, cũng như việc củng cố niềm tin của mọi công dân đối với các quyền của mình và đối với các bảo đảm thực hiện các quyền đó.

Như vậy, các luật cần phải được ổn định để chúng có thể đi vào cuộc sống một cách vững chắc. Đồng thời, theo mức độ phát triển, thay đổi của các quan hệ xã hội các văn bản quy phạm pháp luật cần phải được đổi mới một cách kịp thời, bởi vì có lúc nảy sinh sự cần thiết bức xúc trong việc đưa nó vào hệ thống cân đối, và cần gạt bỏ các mâu thuẫn bằng cách đưa ra những sửa đổi, bổ sung luật.

*1.4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm sự điều chỉnh hài hoà của hệ thống pháp luật với hệ thống các quy phạm xã hội khác*

Quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của xã hội dân sự Việt Nam, sự phát triển của nền văn minh xã hội đòi hỏi phải có sự hình thành và vận hành của nhiều hệ thống quy phạm khác nhau trong xã hội. Các hệ thống quy phạm đó có mối liên hệ, bổ sung cho nhau tạo thành một hệ thống điều chỉnh khác nhau đối với các loại quan hệ xã hội khác nhau ở những “gam bậc”, “mức độ” khác nhau, nhưng phải ở trong một chỉnh thể thống nhất, hệ thống. Do đó, chúng ta có thể nói về “hệ thống của các hệ thống quy phạm” trong Nhà nước pháp quyền, trong xã hội dân sự. Quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, xét theo yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của xã hội dân sự đòi hỏi phải có “hệ thống của các hệ thống quy phạm” tối ưu điều chỉnh bao quát hết các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Sự hiện có một hệ thống quy phạm xã hội chỉnh thể, năng động là điều kiện cần thiết, không thể thiếu của đời sống xã hội, là biện pháp của quản lý xã hội, của việc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, của việc bảo đảm cho sự tác động hài hoà lẫn nhau của con người, là nhân tố kích thích sự phát triển phổ



vinh của xã hội. Quy phạm xã hội là quy tắc lối sống của con người, là quy tắc hành vi có ý nghĩa về mặt xã hội của các thành viên xã hội. Trong tổng thể các quy tắc điều chỉnh hành vi của con người, điều chỉnh hoạt động của các nhóm xã hội, của các tập thể, các tổ chức tạo thành các quy phạm xã hội.

Hệ thống các quy phạm xã hội phản ánh trình độ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và tinh thần của xã hội, phản ánh các đặc điểm lịch sử và dân tộc trong đời sống của đất nước, tính chất của quyền lực chính trị và chất lượng trong đời sống của con người. Khi điều chỉnh các quan hệ xã hội, các quy phạm phản ánh và cụ thể hoá sự vận động của các quy luật phát triển khách quan, các xu hướng của sự phát triển xã hội, tức là các quy luật mà sự hiện có và vận động của chúng mang tính tất yếu của lịch sử.

Hệ thống các quy phạm xã hội bao gồm các nhóm quy phạm khác nhau, nhưng có mối liên hệ rất chặt chẽ với nhau. Các quy phạm xã hội bao gồm các quy phạm kinh tế, các quy phạm chính trị, các quy phạm pháp luật, các quy phạm đạo đức, các quy phạm tôn giáo, các quy phạm tập quán v.v. ...

Trong quá trình điều chỉnh các quan hệ xã hội, vai trò của một nhóm quy phạm xã hội này bổ sung, cụ thể hoá cho vai trò của các nhóm quy phạm xã hội khác. Sự tác động lẫn nhau của các quy phạm, của các nhóm quy phạm cụ thể trong hệ thống thống nhất sẽ thể hiện rõ các thuộc tính tổng thể của các bộ phận cấu thành cụ thể thuộc hệ thống đó. Hiệu quả hoạt động của các quy phạm xã hội được thể hiện ở việc đạt được, việc khẳng định sự đồng thuận xã hội của công dân, ở trật tự pháp luật vững chắc được thiết lập, ở môi trường được phát huy sáng tạo, ở trách nhiệm xã hội và ở việc tuân theo các quy phạm một cách có ý thức của công dân.

Từ cách tiếp cận như vậy, hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong xã hội dân sự phải được cải cách và hoàn thiện theo đòi hỏi là xác định rõ phạm vi, giới hạn điều chỉnh của pháp luật và phạm vi, giới hạn điều chỉnh của các quy phạm xã hội khác,

phải bảo đảm sự điều chỉnh hài hoà, kết nối một cách hợp lý điều chỉnh pháp luật với điều chỉnh xã hội thành một chỉnh thể điều chỉnh thống nhất; phát huy tiềm năng, khả năng điều chỉnh của các quy phạm xã hội (các quy phạm kinh tế, các quy phạm chính trị, các quy phạm tập thể, các tập quán, các quy phạm hương ước, các quy phạm đạo đức, các quy phạm tôn giáo, các quy phạm kỹ thuật và các quy phạm khác) đối với các quan hệ xã hội nhất định. Quá trình hình thành và phát triển của xã hội dân sự và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta đòi hỏi phải sử dụng một cách có hiệu quả các quy phạm xã hội đó trong mối liên hệ chặt chẽ với các quy phạm pháp luật để thúc đẩy xã hội phát triển theo chiều hướng vững chắc, ổn định.

#### *1.5. Xây dựng hệ thống pháp luật có hệ thống, đồng bộ, cân đối*

Xây dựng hệ thống pháp luật có hệ thống, đồng bộ, cân đối là một trong những đòi hỏi quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Một hệ thống pháp luật như vậy mới có khả năng điều chỉnh có hiệu quả hệ thống các quan hệ xã hội rất đa dạng, phong phú trên nhiều phương diện, mới có khả năng bảo đảm sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá ổn định, mới có khả năng giải quyết tốt những xung đột xã hội bằng các hình thức pháp lý văn minh.

Hệ thống pháp luật về mặt cấu trúc nội dung tồn tại một cách khách quan đã được khoa học nhận thức cần phải trở thành kim chỉ nam mà dựa vào đó nhà làm luật kiểm soát các hoạt động của mình trong khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật này hay văn bản quy phạm pháp luật khác để bảo đảm hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Hệ thống pháp luật về mặt cấu trúc nội dung mang tính chất khách quan và do đó sự phát triển hệ thống đó quyết định sự chuyển tải tương ứng của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do nhà lập pháp xây dựng và ban hành.

Các quá trình liên kết và phân hoá trong điều chỉnh pháp luật, cũng như những thay đổi của lĩnh vực thể chế hoá bằng pháp luật nói

chung theo hướng mở rộng hoặc thu hẹp sự thể chế hoá đó có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển hệ thống pháp luật. Như vậy, sự phát triển của hệ thống pháp luật là quá trình biện chứng mà ở đó có sự xung đột của các xu hướng đối lập nhau.

Quá trình phân hoá trong điều chỉnh pháp luật, trước hết được biểu hiện ở việc phân chia hệ thống pháp luật thành các lĩnh vực, các ngành luật, các chế định và các quy phạm pháp luật. Chính các quá trình đó đang diễn ra rất sôi động trong sự phát triển của hệ thống pháp luật ở thời kỳ đổi mới vừa qua và hiện nay ở nước ta. Các quá trình đó dẫn đến sự xuất hiện các ngành pháp luật mới như pháp luật bảo đảm xã hội được tách ra khỏi pháp luật lao động, pháp luật tài chính, pháp luật ngân hàng được tách ra khỏi pháp luật hành chính...

Những thay đổi đang diễn ra trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật được quyết định bởi tổng thể các nhân tố đa dạng, phong phú mang tính khách quan và chủ quan. Trong số các nhân tố đó có sự biến đổi của hệ thống pháp luật do có sự ảnh hưởng của các quá trình liên kết, phân hoá cũng như quá trình mở rộng hoặc thu hẹp lĩnh vực điều chỉnh pháp luật đóng vai trò quan trọng. Chúng ta có thể nhìn thấy những thay đổi của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong các khách thể khác nhau, trong hai bộ phận cấu thành cơ bản của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật: 1, bộ phận cấu trúc thứ bậc; và 2, bộ phận ngành.

Trong tiểu hệ thống cấu trúc thứ bậc chúng ta dễ nhìn thấy xu hướng các văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục tăng. Nếu như trước đổi mới trong tổng số các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, các văn bản dưới luật, mà trước hết là các văn bản quy phạm pháp luật của bộ, ngành chiếm tỷ trọng lớn, thì hiện nay bức tranh của các văn bản quy phạm pháp luật có hơi khác. Các văn bản luật và pháp lệnh được ban hành nhiều hơn, cho dù các văn bản của các bộ, ngành về mặt thực tế vẫn chưa được giảm. Điều đó đặt ra nhu cầu phải hoàn thiện cơ chế xây dựng luật và pháp luật để làm sao các luật và pháp lệnh được ban hành đáp ứng được các nhu cầu phát triển của xã hội. Điều đó đã được thể hiện phần nào

trong luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Nhưng ở đây vẫn còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục hoàn thiện. Chẳng hạn, cần quy định một cách cụ thể hơn những vấn đề chỉ có thể được điều chỉnh bằng luật.

Cơ cấu ngành của các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động lớn nhất của những thay đổi diễn ra trong hệ thống pháp luật. Tương tự như trong hệ thống pháp luật về cấu trúc nội dung, chúng ta cũng dễ nhìn thấy trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đồng thời đang diễn ra cả các quá trình liên kết lẫn các quá trình phân hoá. Dưới sự ảnh hưởng của các quá trình phân hoá đã hình thành các ngành văn bản quy phạm pháp luật như pháp luật bầu cử, pháp luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân, pháp luật giáo dục, pháp luật bảo hiểm xã hội v.v.

Quá trình xây dựng xã hội dân sự và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta không chỉ đòi hỏi phải có sự trật tự hoá và phát triển hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật mà đòi hỏi phải hoàn thiện chính hoạt động xây dựng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*1.6. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật xuất phát từ thực tiễn và kinh nghiệm Việt Nam, có khả năng tiếp nhận có chọn lọc những giá trị, nguyên tắc pháp luật của nền văn minh pháp lý nhân loại*

Hệ thống pháp luật cần phải được xây dựng và hoàn thiện xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, từ sự cần thiết và nhu cầu khách quan của xã hội, từ kinh nghiệm đã được đúc kết trong quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật nước ta trong thời gian qua, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội, trình độ văn hoá của nhân dân, những truyền thống, đạo đức, tập quán tốt đẹp của dân tộc và bản sắc của nền văn hoá Việt Nam. Một hệ thống pháp luật như vậy tự thân nó đã có các điều kiện, tiền đề để đi vào cuộc sống.

Hệ thống pháp luật nước ta là một trong những hệ thống pháp luật trong bức tranh pháp luật chung của nhân loại, bởi vậy nó cần phải được xây dựng và hoàn thiện làm sao để tiếp

nhận có chọn lọc những giá trị, nguyên tắc pháp luật của nền văn minh pháp lý nhân loại trên cơ sở phát huy cao độ nội lực, chủ động hội nhập quốc tế, hài hoà với các chuẩn mực quốc tế và khu vực và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

## *2. Những định hướng cơ bản xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay*

Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020” đã chỉ rõ 6 định hướng và nội dung của 6 định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta. Đó là: 1. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; 3. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân sự, kinh tế, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 4. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá - thông tin, thể thao, dân tộc, tôn giáo, dân số, gia đình, trẻ em và chính sách xã hội; 5. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; 6. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế.

Ngoài cách tiếp cận trên, còn có cách tiếp cận khác rộng hơn, bao quát hơn đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta. Như chúng ta đã biết, pháp luật, hệ thống pháp luật là “một môi trường” gắn kết và điều chỉnh hoạt động của ba thực thể quan trọng là con người, xã hội và Nhà nước vào trong một chỉnh thể toàn vẹn và thống nhất. Xuất phát từ nhận thức như vậy có thể nêu ra ba định hướng lớn của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người, quyền công dân;

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thúc đẩy quá trình hình thành và xây dựng xã hội dân sự xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với các yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Định hướng thứ nhất bao gồm các nội dung cơ bản là: a) Tiếp tục thể chế hoá một cách đầy đủ, toàn diện, cụ thể các quyền, tự do và trách nhiệm của con người, của công dân trên cơ sở phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta và cân nhắc các chuẩn mực quốc tế và của các khối về quyền con người, quyền công dân; b) Hoàn thiện cơ chế pháp lý bao gồm cơ chế chung và cơ chế pháp lý cụ thể bảo đảm cho việc thực hiện một cách có hiệu quả trên thực tế các quyền, tự do và trách nhiệm của con người, của công dân; c) Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ các quyền, tự do của con người, của công dân.

Định hướng thứ hai bao gồm các nội dung cơ bản là: a) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật góp phần bảo đảm sự phát triển xã hội bền vững với sự kết hợp hài hoà phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; b) Tăng cường xây dựng các văn bản pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo chiều ngang trong xã hội, phân định rõ ràng hơn các loại quan hệ xã hội theo chiều dọc với các loại quan hệ xã hội theo chiều ngang; c) Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về các thiết chế khác nhau trong xã hội theo hướng giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước với các thiết chế đó.

Định hướng thứ ba bao gồm những nội dung cơ bản là: a) Hoàn thiện pháp luật theo hướng xác định đúng vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện xây dựng xã hội dân sự Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị; b) Hoàn thiện pháp luật theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, đặc biệt chú trọng đến việc phân công, phối hợp và kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các quyền.